

CẤP XÃ THỰC HIỆN THẨM QUYỀN QUY ĐỊNH TRONG LUẬT ĐẤT ĐAI KHI TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 2 CẤP

(Trích Phụ lục kèm theo dự thảo)

- Về thẩm quyền của Hội đồng nhân dân (1 nội dung - 1 điều):

Điểm c khoản 2 Điều 86: Thành phần hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

- Về thẩm quyền của Ủy ban nhân dân (35 nội dung - 24 điều):

Khoản 6 Điều 45: Phê duyệt hương án sử dụng đất nông nghiệp.

Khoản 7 Điều 45: Cá nhân không trực tiếp sản xuất nông nghiệp nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho quyền sử dụng đất trồng lúa quá hạn mức quy định thì phải thành lập tổ chức kinh tế và có phương án sử dụng đất trồng lúa bao gồm các nội dung theo quy định tại khoản 6 Điều này và được UBND cấp xã phê duyệt, trừ trường hợp người nhận tặng cho là người thuộc hàng thừa kế.

Khoản 3 Điều 69: Tổ chức lập quy hoạch sử dụng đất cấp xã, kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp xã.

Điểm a khoản 2 Điều 70: Cho ý kiến về quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

Điểm c khoản 3 Điều 75: Công bố công khai quy hoạch sử dụng đất cấp xã, kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp xã tại trụ sở cơ quan, trên cổng thông tin điện tử và công bố công khai nội dung quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất hằng năm...

Khoản 3 Điều 76: Tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương.

Khoản 5 Điều 76: Công bố công khai phạm vi thu hồi đất theo tiến độ của dự án đến người sử dụng đất.

Khoản 1 Điều 77: Báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đến UBND cấp tỉnh trước ngày 15-10 hằng năm.

Khoản 2 Điều 83: Thẩm quyền thu hồi đất và xử lý trường hợp thu hồi đất, tài sản gắn liền với đất là tài sản công.

Khoản 1 Điều 86: Chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Khoản 3 Điều 86: Thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo chức trách, nhiệm vụ được giao.

Khoản 4 Điều 86: Tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Điểm b khoản 2 Điều 87: Gửi thông báo thu hồi đất đến từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có), đồng thời niêm yết thông báo thu hồi đất và danh sách người có đất thu hồi trên địa bàn quản lý tại trụ sở và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi trong suốt thời gian bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Điểm a khoản 5 Điều 89: Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc cưỡng chế, giải quyết khiếu nại liên quan đến việc cưỡng chế theo quy định của pháp luật về khiếu nại; bảo đảm điều kiện, phương tiện cần thiết phục vụ cho việc cưỡng chế; bố trí kinh phí cưỡng chế thu hồi đất...

Điểm b khoản 5 Điều 89: Phê duyệt phương án cưỡng chế và dự toán kinh phí cho hoạt động cưỡng chế của Ban cưỡng chế thu hồi đất; bàn giao đất cho đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Khoản 6 Điều 91: Tổ chức lập và thực hiện dự án tái định cư để bảo đảm chủ động trong việc bố trí tái định cư cho người có đất thu hồi. Việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và việc bố trí tái định cư phải được hoàn thành trước khi có quyết định thu hồi đất.

Điểm b, c khoản 4 Điều 109:

UBND cấp tỉnh căn cứ cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định và điều kiện thực tế tại địa phương quy định mức hỗ trợ cụ thể phù hợp với từng đối tượng được hỗ trợ; chỉ đạo UBND cấp xã thực hiện quy định tại điểm c khoản này.

Căn cứ kế hoạch sử dụng đất hằng năm, UBND cấp xã có trách nhiệm lập và tổ chức thực hiện phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm tại địa phương. Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm được lập và phê duyệt đồng thời với phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Trong quá trình lập phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, UBND cấp xã phải tổ chức lấy ý kiến và có trách nhiệm tiếp thu, giải trình ý kiến của người có đất thu hồi.

Khoản 1 Điều 110: Tổ chức lập và thực hiện dự án tái định cư theo quy định của pháp luật.

Khoản 1 Điều 111: Bố trí tái định cư phải thông báo cho người có đất ở bị thu hồi, chủ sở hữu nhà ở thuộc đối tượng phải di chuyển chỗ ở về dự kiến phương án bố trí tái định cư và niêm yết công khai ít nhất là 15 ngày tại trụ sở UBND cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi và tại nơi tái định cư...

Khoản 3 Điều 111: Quyết định giá bán nhà ở tái định cư trong địa bàn cấp xã do UBND cấp xã quyết định. Trường hợp bố trí nhà ở tái định cư tại đơn vị hành chính cấp xã khác thì giá bán nhà ở tái định cư do UBND cấp tỉnh quyết định.

Khoản 2 Điều 123: Quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp: Giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với cá nhân; Giao đất đối với cộng đồng dân cư...

Khoản 5 Điều 125: Công bố kế hoạch, danh mục các khu đất thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất trên cổng thông tin đấu giá quyền sử dụng đất quốc gia, cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Điểm a khoản 5 Điều 125: Hằng năm phải công bố kế hoạch, danh mục các khu đất thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất trên cổng thông tin đấu giá quyền sử dụng đất quốc gia, cổng thông tin điện tử của UBND cấp tỉnh...

Điểm b khoản 1 Điều 136: Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 4 của Luật Đất đai.

Điểm d khoản 2 Điều 142: Diện tích đất của tổ chức đã bố trí cho hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của tổ chức làm nhà ở trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì phải bàn giao cho UBND cấp xã nơi có đất để thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận.

Khoản 3 Điều 161: UBND cấp xã quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giá đất.

Điểm b khoản 2 Điều 178: Đối với những địa phương chưa thực hiện việc giao đất cho cá nhân theo quy định của pháp luật về đất đai thì UBND cấp xã nơi có đất lập phương án giao đất và đề nghị UBND cấp xã quyết định giao đất.

Điểm d khoản 1 Điều 181: Tổ chức việc thu hồi đất để giao UBND cấp xã nơi có đất để quản lý phân diện tích đất của các công ty nông, lâm nghiệp bàn giao về địa phương không thuộc điểm c khoản này.

Khoản 2 Điều 181: UBND cấp xã có trách nhiệm tổ chức quản lý, sử dụng quỹ đất do các công ty nông, lâm nghiệp bàn giao về địa phương vào mục đích theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; lập phương án sử dụng đất đối với diện tích đất quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều này.

Điểm a Khoản 2 Điều 191: Đất bãi bồi ven sông, ven biển thuộc địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương nào thì do UBND cấp xã đó quản lý.

Khoản 4 Điều 191: UBND cấp xã có trách nhiệm điều tra, khảo sát, theo dõi, đánh giá quỹ đất bãi bồi ven sông, ven biển thường xuyên được bồi tụ hoặc thường bị sạt lở để có kế hoạch khai thác, sử dụng. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định giao đất, cho thuê đất bãi bồi ven sông, ven biển thường xuyên được bồi tụ hoặc thường bị sạt lở cho người có nhu cầu.

Điểm b khoản 3 Điều 219: Có phương án góp quyền sử dụng đất, điều chỉnh lại đất đai được người sử dụng đất thuộc khu vực dự kiến thực hiện đồng thuận và được UBND cấp tỉnh phê duyệt.

Khoản 7 Điều 219: Cung cấp thông tin về hiện trạng sử dụng đất, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch xây dựng; quy hoạch đô thị đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt liên quan đến khu vực góp quyền sử dụng đất, điều chỉnh lại đất đai; Cấp Giấy chứng nhận theo phương án góp quyền sử dụng đất, điều chỉnh lại đất đai được phê duyệt.

Điểm c khoản 4 Điều 232: Tổ chức thực hiện theo dõi và đánh giá việc quản lý, sử dụng đất đai đối với cấp xã trực thuộc; đánh giá việc quản lý, sử dụng đất đai trên địa bàn.

- Về cơ quan có chức năng quản lý đất đai (4 nội dung - 4 điều):

Khoản 3 Điều 22: Cơ quan có chức năng quản lý đất đai ở địa phương được thành lập ở cấp tỉnh và ở cấp huyện.

Khoản 3 Điều 69: Có trách nhiệm chủ trì giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện.

Điểm c khoản 3 Điều 234: Tổ chức kiểm tra chuyên ngành đất đai.

Khoản 2 Điều 241: Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc thi hành công vụ của cán bộ, công chức; giải quyết kịp thời, đúng pháp luật, theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của cá nhân, tổ chức và xử lý kịp thời những vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng đất đai tại địa phương theo thẩm quyền.

- Về công chức làm công tác địa chính (8 nội dung - 5 điều):

Điều 22: Cơ quan có chức năng quản lý đất đai và công chức làm công tác địa chính ở cấp xã

Khoản 5 Điều 22: Giúp UBND cấp xã trong việc quản lý đất đai tại địa phương.

Khoản 4 Điều 130: Quản lý, sử dụng thông tin từ hồ sơ địa chính phục vụ cho yêu cầu quản lý nhà nước về đất đai tại địa phương và theo yêu cầu của công dân; cập nhật biến động đất đai đối với những trường hợp biến động thuộc thẩm quyền và phản ánh tình hình vi phạm trong quản lý, sử dụng đất vào hồ sơ địa chính.

Điểm b khoản 2 Điều 235: Tham gia vào thành phần Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai.

Khoản 3 Điều 241: Công chức làm công tác địa chính cấp xã; công chức, viên chức thuộc cơ quan quản lý đất đai các cấp khi thi hành công vụ có trách nhiệm phát hiện và đề xuất xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về đất đai.

Điều 242: Tiếp nhận và xử lý vi phạm của thủ trưởng, công chức, viên chức thuộc cơ quan quản lý đất đai các cấp và công chức làm công tác địa chính ở cấp xã

Khoản 1 Điều 242: Tổ chức, cá nhân khi phát hiện công chức, viên chức thuộc cơ quan có chức năng quản lý đất đai các cấp, công chức làm công tác địa chính ở cấp xã vi phạm trong quản lý đất đai thì có quyền gửi đơn kiến nghị đến người có thẩm quyền

Điểm a khoản 1 Điều 242: Đối với vi phạm của công chức làm công tác địa chính ở cấp xã thì gửi kiến nghị đến Chủ tịch UBND cấp xã.